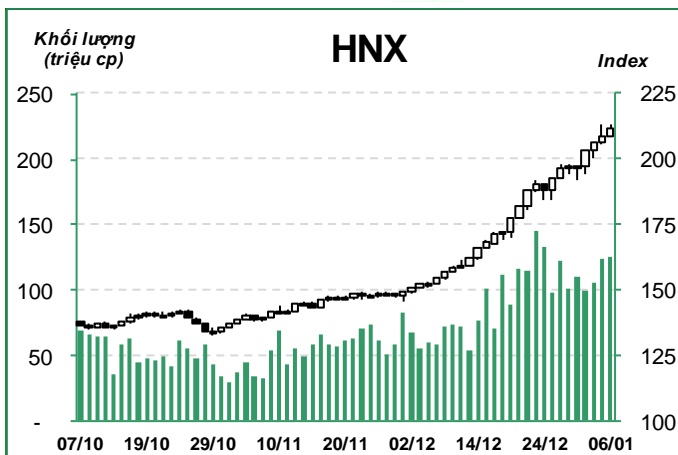
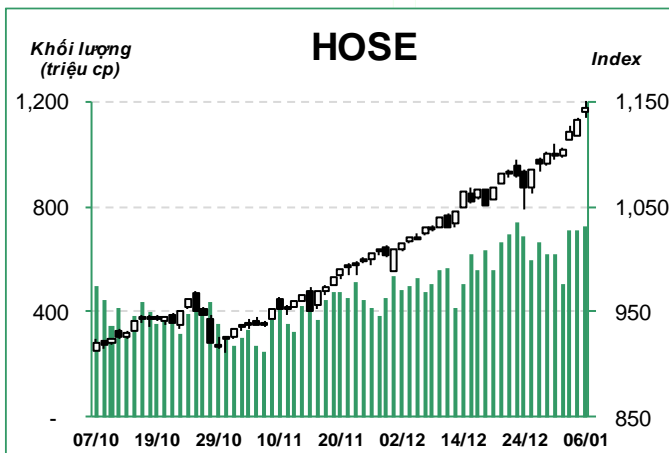


Tổng quan thị trường

06/01/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,143.21	0.94%	1,113.72	0.85%	211.68	1.71%
Cuối tuần trước	1,103.87	3.56%	1,070.77	4.01%	203.12	4.22%
Trung bình 20 ngày	1,087.61	5.11%	1,047.88	6.28%	189.08	11.95%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	790.45	3.54%	248.77	21.19%	148.08	-12.18%
KLGĐ khớp lệnh	725.41	2.14%	225.23	17.53%	126.10	2.09%
Trung bình 20 ngày	635.57	14.14%	184.06	22.36%	108.74	15.96%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	18,002.24	11.02%	8,573.62	22.42%	2,072.32	-14.34%
GTGD khớp lệnh	15,929.00	7.70%	7,474.67	14.56%	1,747.39	0.92%
Trung bình 20 ngày	12,713.52	25.29%	5,731.81	30.41%	1,325.14	31.86%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	244	48%	17	57%	114	32%
Số mã giảm	197	39%	13	43%	80	23%
Số mã đứng giá	64	13%	0	0%	161	45%



Chứng khoán Việt Nam nối dài mạch tăng điểm với sự hưng phấn của nhóm ngành ngân hàng. Tuy nhiên, tình trạng nghẽn lệnh lại diễn ra vào phiên chiều ngay lúc thị trường bắt đầu chịu áp lực chốt lời. Nhờ đó giúp thị trường ngắt đà rơi.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 1,143.21 điểm (+0.94%). Thanh khoản tiếp tục lập kỷ lục với KLGĐ khớp lệnh đạt 725.4 triệu cổ phiếu (+2.1%), tương đương 15,929 tỷ đồng giá trị (+7.7%). Độ rộng thị trường vẫn nghiêng về bên mua nhưng số mã tăng không còn quá áp đảo như những phiên gần đây với chỉ 244 mã tăng so với 197 mã giảm.

Tâm điểm của phiên giao dịch hôm nay đến từ nhóm ngành ngân hàng với đầu tàu là Vietcombank-VCB (+5.7%), BIDV-BID (+1.9%) và đặc biệt là phiên tăng trần của Vietinbank-CTG (+6.9%) sau khi ngân hàng này công bố kết quả kinh doanh cả năm vượt xa kế hoạch. Ngoài ra, BĐS và BĐS khu công nghiệp cũng là 2 nhóm ngành được dòng tiền hưởng đến với một loạt các cổ phiếu đáng chú ý như Becamex IDC-BCM (+4.4%), Novaland-NVL (+2.6%), Nam Long-NLG (+6.9%) hay KCN Long Hậu-LHG (+5.5%). Dù được hưởng lợi từ thông tin giá dầu tăng mạnh đêm qua, nhóm dầu khí chỉ thực sự sôi động vào đầu phiên trước khi đóng cửa với mức tăng nhẹ như PV Gas-GAS (+0.4%), Petrolimex-PLX (+0.4%) hay Khoan Dầu khí PVDrilling-PVD (+0.9%). Ở chiều ngược lại, Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-2.5%), Vinhomes-VHM (-0.8%), Vinamilk-VNM (-0.9%) và Masan-MSN (-1.1%) là những trụ cột giao dịch kém sắc nhất.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng trên sàn HoSE với giá trị mua ròng đạt 200.0 tỷ đồng (-59.6%). Lực mua tập trung chủ yếu ở các cổ phiếu thuộc nhóm ngân hàng như Vietinbank-CTG (+108.4 tỷ), Vietcombank-VCB (+61.0 tỷ) và HDBank-HDB (+51.8 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
FPT	6,671.4	436.14
TPB	7,220.0	200.36
NVL	2,151.9	138.85
HNG	6,100.0	88.46
DIG	2,876.4	84.89
TCB	2,454.0	81.28
GEX	3,450.0	81.08
VPB	2,187.0	80.29
HPG	1,870.0	78.41
VHM	730.0	69.80
HNX		
SHB	8,625.2	152.67
NVB	5,000.0	50.50
EVS	5,000.0	40.09
HJS	1,000.0	35.00
CTB	650.0	19.73
GKM	851.2	13.00
MBS	440.3	7.33
VC3	210.0	3.49
CIA	184.1	2.74
LHC	5.0	0.28

nhất là Chứng khoán BIDV-BSI (-37.8 tỷ), Đô thị Kinh Bắc-KBC (-33.9 tỷ) và Thủy sản Vĩnh Hoàn-VHC (-27.9 tỷ).

Với sàn HNX, chỉ số cũng có thời điểm rung lắc nhẹ vào phiên chiều nhưng vẫn đóng cửa lập đỉnh tại mức 211.68 điểm (+1.71%). KLGĐ khớp lệnh đạt 126.1 triệu cổ phiếu (+2.1%), tương đương 1,747.4 tỷ đồng giá trị (+0.9%).

Trong đó, Thaiholdings-THD (+5.2%) cùng Chứng khoán MB-MBS (+9.8%), Dầu khí PTSC-PVS (+2.1%) và Nhựa Đồng Nai-DNP (+9.5%) là những cổ phiếu kéo điểm chính cho chỉ số. Ở chiều ngược lại, Điện lực TKV-DTK (-6.8%), Cảng An Giang-CAG (-9.9%) và Bánh kẹo Hải Hà-HHC (-7.7%) dẫn đầu ở nhóm giảm điểm.

Có diễn biến trái ngược với HoSE, khối ngoại lại gây áp lực cho sàn HNX với phiên bán ròng gần 14.1 tỷ đồng (+108.6%). Với những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-4.5 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-2.8 tỷ) và Cảng Đà Nẵng-CDN (-2.5 tỷ). Ngược lại, khối ngoại mua ròng Thông Nhất-BAX (+1.1 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+0.6 tỷ) và CK TM và CN Việt Nam-VIG (+0.5 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường khá mạnh. Không những vậy, chỉ số đang nằm trong xu hướng phục hồi, với chòm MA 5, 10, 20 trong trạng thái phân kỳ dương, kèm theo đường ADX di chuyển trên vùng 44 và +DI giữ trên -DI, cho tín hiệu xác nhận xu hướng phục hồi hiện tại. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật như MACD và RSI đang đi lên tích cực, cho thấy chỉ số có cơ hội bước vào nhịp tăng nóng hướng lên vùng đỉnh lịch sử quanh 1.200 điểm. Tuy nhiên, khi quan sát kỹ trên đồ thị nền ngày, chúng tôi nhận thấy chỉ số xuất hiện nền Spinning vượt ra ngoài dải Bollinger, cho tín hiệu mua thái quá dẫn tới cung cầu xuất hiện dấu hiệu giằng co nhau. Do đó, không loại trừ chỉ số có thể cần một vài phiên điều chỉnh rung lắc nhằm củng cố cho đà tăng được bền vững hơn, với MA5 đóng vai trò hỗ trợ. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số tiếp tục đi lên và duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng phục hồi vẫn tiếp diễn, chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 218.6 điểm (Fib 261.8). Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng phục hồi tích cực. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục của mình hợp lý hơn.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
TNH	30.0	2,041.6	20.0%
VDS	13.0	2,404.9	7.0%
BKG	16.1	647.5	7.0%
NVT	5.7	43.1	7.0%
LSS	9.2	1,368.7	7.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HOT	32.6	0.2	-7.0%
CCI	17.3	10.4	-6.8%
COM	43.9	1.8	-6.6%
L10	17.1	0.6	-6.6%
CDC	17.6	124.5	-5.9%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	42.8	767.0	1.1%
TCB	33.2	676.8	0.5%
CTG	37.9	572.3	6.9%
MBB	25.3	562.5	0.6%
STB	18.0	561.6	1.7%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	18.0	31,193.6	1.7%
ITA	7.7	22,477.9	-2.0%
FLC	4.4	22,116.4	-2.2%
MBB	25.3	22,063.3	0.6%
TCB	33.2	20,222.3	0.5%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HBE	8.8	8.7	10.0%
SDG	71.5	3.1	10.0%
TV3	26.4	1.0	10.0%
DNC	45.1	0.6	10.0%
MBS	19.0	1,662.3	9.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DPC	17.1	0.3	-10.0%
CAG	77.2	0.1	-9.9%
HCT	11.0	0.1	-9.8%
VNT	65.1	0.1	-9.7%
ITQ	2.9	185.6	-9.4%

Top 5 giá trị

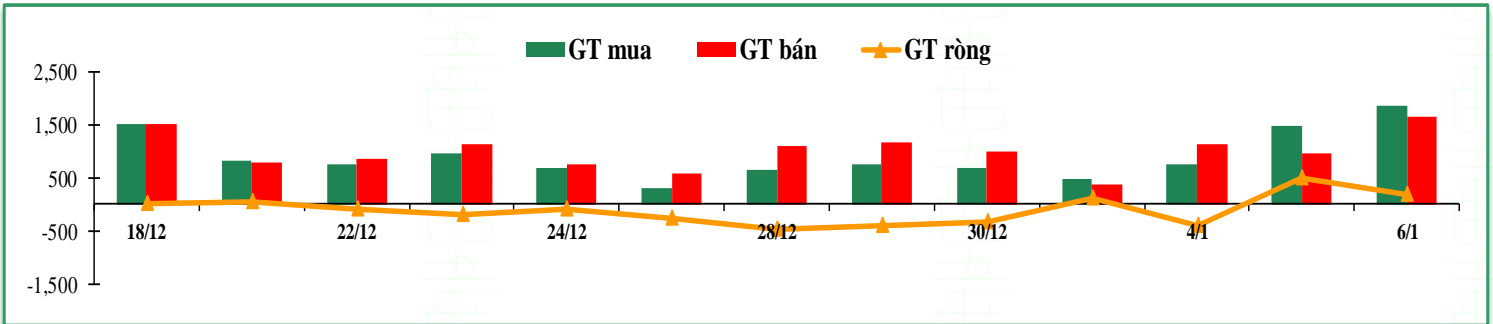
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	17.8	346.4	0.6%
PVS	19.1	242.1	2.1%
SHS	26.3	125.9	0.0%
THD	122.0	121.2	5.2%
IDC	38.0	102.5	1.3%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	17.8	19,359.4	0.6%
PVS	19.1	12,663.2	2.1%
HUT	4.4	6,725.9	2.3%
NVB	11.2	6,101.8	0.0%
SHS	26.3	4,794.3	0.0%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,844.5	10.2%	1,644.5	9.1%	200.0
HNX	7.9	0.4%	22.0	1.1%	-14.1
Tổng số	1,852.4		1,666.5		185.9



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	62.4	413.2	-0.5%
VHM	94.8	172.1	-0.8%
HPG	42.8	159.0	1.1%
VRE	33.2	152.5	-0.3%
CTG	37.9	129.1	6.9%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
FPT	62.4	414.3	-0.5%
VHM	94.8	138.7	-0.8%
HPG	42.8	109.3	1.1%
VRE	33.2	106.7	-0.3%
VPB	34.4	80.0	0.2%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CTG	37.9	108.4	6.9%
VCB	105.0	61.0	5.7%
HDB	25.7	51.8	3.6%
HPG	42.8	49.7	1.1%
VRE	33.2	45.9	-0.3%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	19.1	1.8	2.1%
BAX	80.5	1.1	1.9%
BVS	23.8	0.7	7.7%
NVB	11.2	0.7	0.0%
SHS	26.3	0.6	0.0%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	23.8	5.3	7.7%
SHS	26.3	3.4	0.0%
CDN	28.8	2.5	3.2%
NTP	36.6	2.2	-1.6%
APS	5.0	1.5	8.7%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BAX	80.5	1.1	1.9%
PVS	19.1	0.6	2.1%
VIG	2.2	0.5	-8.3%
NVB	11.2	0.4	0.0%
LHC	62.0	0.2	1.1%

Tin trong nước

Fitch Solutions nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021 lên 8,6%

Fitch Solutions đã nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam lên 8,6%, từ mức 8,2% trong báo cáo trước đó.

Trong báo cáo mới nhất của mình, Fitch Solutions cho biết, Việt Nam đã ghi nhận mức tăng trưởng kinh tế 2,91% trong năm 2020 và vượt dự báo 2,6% của Fitch Solutions.

"Điều này là nhờ có việc ngăn chặn hiệu quả sự bùng phát của Covid-19 trong nước và xuất khẩu tăng mạnh mẽ sau Hiệp định Thương mại Tự do EU-Việt Nam (EVFTA)", báo cáo cho biết.

Với vaccine đang được chuẩn bị triển khai trên toàn cầu, Fitch Solutions kỳ vọng năm 2021 sẽ là một năm phục hồi kinh tế trên toàn thế giới. Điều đó sẽ giúp tăng cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam. Trong khi đó, toàn thế giới sẽ chứng kiến xu hướng gia tăng của du lịch nội địa sự hình thành của các bong bóng du lịch trong khu vực.

Sản xuất công nghiệp và xây dựng, chiếm tỷ trọng 33,7% GDP vào năm 2020, sẽ tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng vào năm 2021.

Fitch Solutions kỳ vọng đà tăng trưởng mạnh mẽ trong lĩnh vực sản xuất sẽ kéo dài trong năm 2021, nhờ có tác động tích cực của các hiệp định thương mại tự do như EVFTA, UKVFTA và RCEP.

Đặc biệt, với UKVFTA mới đây, Việt Nam cũng nằm trong số ít các quốc gia châu Á - cùng với Singapore, Hàn Quốc và Nhật Bản - đã đạt được FTA song phương với Anh.

Fitch Solutions cho biết thêm: "Trong bối cảnh Việt Nam là nước hưởng lợi lớn từ xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc trong vài năm qua, chúng tôi nhận thấy khả năng tăng xuất khẩu Việt Nam rất lớn trong những năm tới".

RCEP, dù sớm nhất thì nửa cuối năm 2021 mới có hiệu lực, cũng sẽ hỗ trợ đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

"Sự phục hồi kinh tế hiện nay, kết hợp với khả năng tham gia vào bong bóng du lịch trong khu vực vào năm 2021 khi có vaccine, sẽ thúc đẩy ngành bán lẻ, cũng như khách sạn và nhà hàng và vận tải hơn nữa", Fitch Solutions nhận định.

Theo Fitch Solutions, tăng trưởng của khu vực nông - lâm - ngư nghiệp (chiếm 15% GDP năm 2020) sẽ vẫn ổn định, miễn là ngành trồng trọt không gặp bất kỳ cú sốc lớn nào về nguồn cung do thiên tai và do đó không gây ra sự thay đổi về nguyên liệu.

Tin doanh nghiệp niêm yết

VietinBank báo lãi trước thuế 16.450 tỷ năm 2020

Chiều này (6/1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank – CTG) đã tổ chức tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2020 và triển khai nhiệm vụ năm 2021.

Tại hội nghị, Chủ tịch HĐQT VietinBank – ông Lê Đức Thọ cho biết, trong năm vừa qua, ngân hàng đã thực hiện thành công mục tiêu kép khi vừa hỗ trợ khách hàng vượt khó khăn do tác động Covid-19, khôi phục kinh doanh và vừa thực hiện đổi mới, tái cấu trúc hoạt động, thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng giai đoạn 2016-2020. Năm 2020, ngân hàng cũng đã cắt giảm lợi nhuận 5.000 tỷ đồng để giảm lãi suất cho vay, phí hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh.

Lãnh đạo VietinBank cho biết, cuối năm 2020, ngân hàng đã vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm đặt ra.

Cụ thể, lợi nhuận trước thuế ngân hàng riêng lẻ 16.450 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch đặt ra. Chỉ số sinh lời ROE và ROA đạt 16,8% và 1,3%.

Để đạt được kết quả này, ngân hàng đã tiết giảm chi phí hoạt động và tăng thu hoạt động ngoài lãi. Cụ thể, thu nhập ngoài lãi tăng 35,2% so với năm 2019, tỷ trọng thu ngoài lãi trên tổng thu nhập hoạt động theo đó tăng từ 16,5% lên gần 20,1%. Trong đó thu thuần dịch vụ tăng gần 12% so với năm 2019, thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ tăng 24%, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vốn tăng 70%. Tỷ lệ CIR được kiểm soát giảm từ mức 37,7% xuống còn 35%.

Dư nợ tín dụng hợp nhất tăng 7,7% so với năm 2019, nguồn vốn huy động tăng 11% so với năm 2019. Đáng chú ý, ngân hàng cho biết nguồn vốn CASA (tiền gửi không kỳ hạn) được cải thiện tăng 15,5% so với năm 2019, tỷ trọng CASA tăng so với năm 2019.

Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng giảm mạnh, xuống dưới 1% vào thời điểm cuối năm 2020, đồng thời tỷ lệ bao phủ nợ xấu cho vay và trái phiếu nội bảng tăng lên 130%. Trong năm qua, nhà băng này cũng đã tắt toán toàn bộ trái phiếu VAMC.

Năm 2021, ngân hàng dự kiến tổng tài sản tăng 3-6%, tín dụng tăng trưởng 8-11%, nguồn vốn huy động tăng 10-12%. Lợi nhuận trước thuế dự kiến tăng 10-20% trong năm 2021. Ngân hàng cũng đặt mục tiêu kiểm soát nợ xấu dưới 2%.

Bảo hiểm Quân đội được chấp thuận niêm yết trên HoSE

Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE) đã có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Tổng công ty cổ phần bảo hiểm quân đội (UPCoM: MIG). Khối lượng niêm yết là 130 triệu cổ phiếu, tương đương với vốn điều lệ 1.300 tỷ đồng. Mã chứng khoán được giữ nguyên là MIG.

Báo cáo kinh doanh 9 tháng đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm đạt 1.605 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên chi phí bảo hiểm tăng mạnh khiến lợi nhuận sau thuế giảm 15% còn 98 tỷ đồng.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DPM	Chốt lời	07/01/21	18.85	17.35	8.6%	21.2	22.2%	17	-2.0%	Tín hiệu suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	CTG	Quan sát mua	07/01/21	37.85	40 43	Nền tảng mạnh vượt đỉnh thời đại kèm vol cao, khả năng tiếp tục tăng tốt -> có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 37-37.4
2	NLG	Quan sát mua	07/01/21	31.85	35 38	Nền tảng mạnh vượt đỉnh thời đại kèm vol cao, khả năng tiếp tục tăng tốt -> có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 31.2-31.5
3	DHG	Quan sát mua	07/01/21	106.3	115-120	Nền tảng tốt kèm vol cao khi đang trong vùng sideway -> khả năng sớm có phiên breakout
4	SAB	Quan sát mua	07/01/21	198.5	220-230	Nhịp điều chỉnh về hỗ trợ với nền nhỏ dần + vol tăng lại gần đây -> khả năng sớm có phiên break kênh điều chỉnh

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DCM	Mua	17/12/20	14.05	12.55	12.0%	14.6	16.3%	12.25	-2%	
2	TAR	Mua	22/12/20	23.9	22	8.6%	27.6	25.5%	20.9	-5%	
3	MWG	Mua	28/12/20	121.3	118.5	2.4%	126.1	6%	115.5	-3%	
4	BMI	Mua	29/12/20	32	29.7	7.7%	33.3	12%	28.7	-3%	
5	PLX	Mua	30/12/20	55.3	54.7	1.1%	60	10%	52.7	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	FMC	Mua	04/01/21	37.4	35.9	4.2%	40.8	14%	34.2	-5%	
7	CSV	Mua	05/01/21	28.6	29.1	-1.7%	32	10%	28.2	-3%	
8	VNM	Mua	06/01/21	109.8	110.8	-0.9%	126.5	14%	107	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 06/01/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CEIB2001	1,000	1,240	5.1 %	24%	28,850	89	20,500	183	(1,057)	KIS	EIB	18,818	10.0	05/04/2021
CFPT2008	1,500	3,200	-0.6 %	113%	6,340	8	62,400	3,150	(50)	HCM	FPT	46,990	4.9	14/01/2021
CFPT2010	7,900	12,000	-3.4 %	52%	5,650	10	62,400	10,436	(1,564)	HCM	FPT	52,000	1.0	16/01/2021
CFPT2011	1,700	3,270	1.9 %	92%	79,090	85	62,400	2,936	(334)	HCM	FPT	48,000	5.0	01/04/2021
CFPT2012	1,500	2,790	-1.4 %	86%	59,650	118	62,400	2,365	(425)	HCM	FPT	51,000	5.0	04/05/2021
CFPT2013	3,800	6,820	0 %	79%	-	92	62,400	5,365	(1,455)	BSI	FPT	52,000	2.0	08/04/2021
CFPT2014	2,000	5,240	0 %	162%	640	93	62,400	3,895	(1,345)	VCI	FPT	55,000	2.0	09/04/2021
CFPT2015	2,070	2,850	0 %	38%	19,740	75	62,400	2,531	(319)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/03/2021
CFPT2016	2,580	3,230	-1.5 %	25%	51,960	167	62,400	2,610	(620)	SSI	FPT	50,000	5.0	22/06/2021
CFPT2017	2,340	2,920	-1.7 %	25%	33,370	110	62,400	2,025	(895)	MBS	FPT	54,800	4.0	26/04/2021
CHDB2007	2,701	3,110	9.9 %	15%	56,620	111	25,650	122	(2,988)	KIS	HDB	27,772	3.0	27/04/2021
CHDB2008	2,702	2,290	9.6 %	-15%	65,390	118	25,650	335	(1,955)	KIS	HDB	25,888	3.2	04/05/2021
CHPG2010	1,800	5,300	3.9 %	194%	25,640	89	42,800	3,000	(2,300)	KIS	HPG	33,100	3.3	05/04/2021
CHPG2012	6,100	26,000	2.0 %	326%	90,110	13	42,800	26,424	424	HCM	HPG	21,680	0.8	19/01/2021
CHPG2014	7,200	27,050	0.8 %	276%	3,870	103	42,800	26,591	(459)	SSI	HPG	21,680	0.8	19/04/2021
CHPG2015	6,700	26,600	3.2 %	297%	6,250	54	42,800	26,500	(100)	SSI	HPG	21,680	0.8	01/03/2021
CHPG2016	2,200	12,600	5.8 %	473%	1,950	8	42,800	12,695	95	HCM	HPG	22,500	1.6	14/01/2021
CHPG2017	1,000	3,840	4.9 %	284%	58,900	43	42,800	3,499	(341)	KIS	HPG	28,888	4.0	18/02/2021
CHPG2018	1,200	3,940	6.5 %	228%	50,090	128	42,800	3,266	(674)	KIS	HPG	29,999	4.0	14/05/2021
CHPG2020	5,700	18,400	4.6 %	223%	3,700	175	42,800	17,111	(1,289)	VND	HPG	26,000	1.0	30/06/2021
CHPG2021	2,400	9,500	0.5 %	296%	5,660	85	42,800	8,973	(527)	HCM	HPG	25,000	2.0	01/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CHPG2022	2,100	9,790	1.5 %	366%	2,000	118	42,800	8,009	(1,781)	HCM	HPG	27,000	2.0	04/05/2021
CHPG2023	2,100	14,500	3.6 %	590%	6,060	6	42,800	14,312	(188)	ACBS	HPG	28,500	1.0	12/01/2021
CHPG2024	2,200	8,430	0.4 %	283%	6,400	92	42,800	7,736	(694)	BSI	HPG	27,500	2.0	08/04/2021
CHPG2025	2,000	11,250	1.4 %	463%	2,170	93	42,800	9,018	(2,232)	VCI	HPG	34,000	1.0	09/04/2021
CHPG2026	3,350	6,820	-10.5 %	104%	44,140	124	42,800	3,371	(3,449)	MBS	HPG	36,500	2.0	10/05/2021
CKDH2001	1,400	1,790	5.3 %	28%	37,780	128	30,000	1,013	(777)	KIS	KDH	26,222	4.0	14/05/2021
CKDH2002	1,600	2,170	3.3 %	36%	16,370	222	30,000	909	(1,261)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2003	1,100	1,400	6.1 %	27%	108,380	43	30,000	1,241	(159)	KIS	KDH	25,111	4.0	18/02/2021
CKDH2004	2,180	3,350	20.5 %	54%	43,960	93	30,000	1,839	(1,511)	MBS	KDH	26,500	2.0	09/04/2021
CMBB2007	1,400	6,240	5.9 %	346%	5,720	8	25,300	6,193	(47)	HCM	MBB	14,780	1.7	14/01/2021
CMBB2008	3,400	9,700	16.0 %	185%	7,730	83	25,300	6,015	(3,685)	VND	MBB	20,000	0.9	30/03/2021
CMBB2009	1,700	5,400	4.9 %	218%	48,200	85	25,300	3,771	(1,629)	HCM	MBB	19,000	1.7	01/04/2021
CMBB2010	4,600	10,380	5.9 %	126%	36,690	159	25,300	9,473	(907)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2011	3,800	9,790	4.7 %	158%	22,280	65	25,300	9,371	(419)	SSI	MBB	16,000	1.0	12/03/2021
CMSN2006	1,900	7,130	1.7 %	275%	1,050	8	88,300	6,733	(397)	HCM	MSN	55,340	4.9	14/01/2021
CMSN2007	1,400	3,550	-4.1 %	154%	40,970	111	88,300	3,218	(332)	KIS	MSN	56,868	9.9	27/04/2021
CMSN2009	1,200	3,120	-0.3 %	160%	24,330	128	88,300	2,711	(409)	KIS	MSN	61,999	9.9	14/05/2021
CMSN2010	4,800	18,450	-0.2 %	284%	180	83	88,300	16,806	(1,644)	VND	MSN	55,000	2.0	30/03/2021
CMSN2011	4,801	7,800	-1.6 %	62%	21,680	85	88,300	7,470	(330)	HCM	MSN	52,000	4.9	01/04/2021
CMSN2012	4,802	14,300	-1.0 %	198%	10	93	88,300	11,856	(2,444)	VCI	MSN	65,000	2.0	09/04/2021
CMSN2013	4,803	1,780	-5.3 %	-63%	41,380	54	88,300	528	(1,252)	MBS	MSN	87,000	4.9	01/03/2021
CMSN2014	4,804	1,230	-4.7 %	-74%	52,390	55	88,300	211	(1,019)	KIS	MSN	87,878	9.9	02/03/2021
CMWG2010	4,805	4,150	-0.5 %	-14%	8,840	8	121,300	4,089	(61)	HCM	MWG	80,860	9.9	14/01/2021
CMWG2012	4,807	8,810	-0.2 %	83%	2,450	33	121,300	8,691	(119)	SSI	MWG	78,890	4.9	08/02/2021
CMWG2013	12,000	17,100	0.2 %	43%	100	175	121,300	13,457	(3,643)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2014	2,500	3,950	-6.0 %	58%	12,510	2	121,300	3,670	(280)	BSI	MWG	107,000	3.9	08/01/2021
CMWG2015	1,900	2,750	-1.1 %	45%	79,340	124	121,300	2,234	(516)	HCM	MWG	100,000	10.0	10/05/2021
CMWG2016	1,700	2,400	-0.8 %	41%	42,440	155	121,300	1,609	(791)	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2017	2,410	2,820	-1.7 %	17%	6,620	110	121,300	1,840	(980)	MBS	MWG	108,000	8.0	26/04/2021
CNVL2002	2,000	3,100	3.3 %	55%	8,420	63	66,700	1,414	(1,686)	KIS	NVL	59,890	5.0	10/03/2021
CNVL2003	1,000	1,850	17.1 %	85%	57,460	156	66,700	403	(1,447)	KIS	NVL	63,979	10.0	11/06/2021
CPNJ2006	1,000	2,330	0 %	133%	2,410	8	81,200	2,291	(39)	HCM	PNJ	58,550	9.9	14/01/2021
CPNJ2008	3,030	6,500	0 %	115%	1,390	33	81,200	6,338	(162)	SSI	PNJ	49,620	5.0	08/02/2021
CPNJ2009	1,400	3,300	1.2 %	136%	19,530	85	81,200	2,979	(321)	HCM	PNJ	58,000	7.9	01/04/2021
CPNJ2010	2,200	3,480	0.9 %	58%	1,300	34	81,200	3,071	(409)	MBS	PNJ	66,000	5.0	09/02/2021
CREE2005	1,300	4,450	0 %	242%	420	8	50,000	-	(4,450)	HCM	REE	66,001	4.0	14/01/2021
CREE2006	1,500	2,630	-1.9 %	75%	24,450	124	50,000	1	(2,629)	HCM	REE	66,002	4.0	10/05/2021
CSBT2007	1,700	3,500	-3.9 %	106%	6,050	111	21,250	2,828	(672)	KIS	SBT	15,999	1.9	27/04/2021
CSTB2006	1,500	2,740	3.4 %	83%	15,200	89	18,000	2,594	(146)	KIS	STB	12,890	2.0	05/04/2021
CSTB2007	1,500	3,660	0.3 %	144%	49,120	141	18,000	3,553	(107)	KIS	STB	10,999	2.0	27/05/2021
CSTB2010	1,100	3,300	2.8 %	200%	29,460	156	18,000	3,065	(235)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2011	2,700	4,010	5.3 %	49%	19,560	83	18,000	3,583	(427)	VND	STB	14,500	1.0	30/03/2021
CSTB2012	2,500	5,200	2.2 %	108%	15,670	85	18,000	5,075	(125)	HCM	STB	13,000	1.0	01/04/2021
CSTB2013	3,200	6,200	3.2 %	94%	50,830	65	18,000	6,053	(147)	SSI	STB	12,000	1.0	12/03/2021
CSTB2014	3,800	6,660	3.4 %	75%	14,020	159	18,000	6,132	(528)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2015	1,200	2,210	4.7 %	84%	74,110	55	18,000	2,037	(173)	KIS	STB	13,979	2.0	02/03/2021
CSTB2016	1,200	2,460	3.4 %	105%	40,560	118	18,000	1,991	(469)	KIS	STB	14,141	2.0	04/05/2021
CSTB2017	2,680	3,950	2.6 %	47%	17,590	110	18,000	2,854	(1,096)	MBS	STB	15,300	1.0	26/04/2021
CTCB2007	1,700	6,630	0.5 %	290%	7,460	8	33,200	6,605	(25)	HCM	TCB	20,000	2.0	14/01/2021
CTCB2009	4,400	11,670	0.7 %	165%	23,820	83	33,200	11,325	(345)	VND	TCB	22,000	1.0	30/03/2021
CTCB2010	2,000	6,260	3.5 %	213%	62,550	85	33,200	5,912	(348)	HCM	TCB	21,500	2.0	01/04/2021
CTCB2011	3,400	11,400	3.6 %	235%	9,540	34	33,200	10,653	(747)	MBS	TCB	22,600	1.0	09/02/2021
CTCB2012	5,400	12,770	1.8 %	136%	12,020	205	33,200	11,521	(1,249)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2013	4,700	12,500	13.7 %	166%	33,240	118	33,200	10,385	(2,115)	SSI	TCB	23,000	1.0	04/05/2021
CTCH2001	1,400	1,550	21.1 %	11%	82,300	128	20,800	142	(1,408)	KIS	TCH	22,888	3.9	14/05/2021
CTCH2002	1,100	1,200	18.8 %	9%	53,400	43	20,800	28	(1,172)	KIS	TCH	21,777	3.9	18/02/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTCH2003	1,600	1,500	11.1 %	-6%	40,060	222	20,800	291	(1,209)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CVHM2005	1,400	1,650	0 %	18%	57,950	8	94,800	1,584	(66)	HCM	VHM	79,000	10.0	14/01/2021
CVHM2006	1,000	900	1.1 %	-10%	152,230	111	94,800	548	(352)	KIS	VHM	84,888	20.0	27/04/2021
CVHM2007	2,900	4,260	2.7 %	47%	55,880	33	94,800	3,994	(266)	SSI	VHM	75,000	5.0	08/02/2021
CVHM2008	1,400	1,760	-1.1 %	26%	12,370	156	94,800	897	(863)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2009	1,400	2,600	0.8 %	86%	54,490	85	94,800	2,322	(278)	HCM	VHM	72,000	10.0	01/04/2021
CVHM2010	1,300	2,300	0 %	77%	57,570	118	94,800	1,895	(405)	HCM	VHM	76,500	10.0	04/05/2021
CVIC2004	1,000	1,000	5.3 %	0%	96,480	111	110,200	570	(430)	KIS	VIC	99,999	20.0	27/04/2021
CVIC2005	1,500	1,750	-0.6 %	17%	18,810	156	110,200	763	(987)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021
CVIC2006	1,700	2,670	2.7 %	57%	72,670	85	110,200	2,371	(299)	HCM	VIC	87,000	10.0	01/04/2021
CVIC2007	1,000	710	1.4 %	-29%	17,810	55	110,200	77	(633)	KIS	VIC	111,222	20.0	02/03/2021
CVJC2004	1,200	980	0 %	-18%	29,090	111	123,700	490	(490)	KIS	VJC	115,511	20.0	27/04/2021
CVJC2005	2,000	2,520	-2.3 %	26%	22,380	33	123,700	2,393	(127)	SSI	VJC	100,000	10.0	08/02/2021
CVJC2006	1,000	1,260	-3.1 %	26%	45,850	156	123,700	730	(530)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2007	2,400	1,190	0.9 %	-50%	9,780	63	109,800	182	(1,008)	KIS	VNM	111,430	8.0	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,160	-4.4 %	20%	9,920	8	109,800	2,122	(38)	HCM	VNM	92,660	8.1	14/01/2021
CVNM2010	2,680	2,600	-2.3 %	-3%	24,990	33	109,800	2,542	(58)	SSI	VNM	89,410	8.1	08/02/2021
CVNM2011	1,100	1,030	-2.8 %	-6%	142,950	156	109,800	17	(1,013)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2012	7,700	5,700	-7.9 %	-26%	6,830	83	109,800	1,402	(4,298)	VND	VNM	110,000	2.0	30/03/2021
CVNM2013	1,900	1,760	0.6 %	-7%	61,130	85	109,800	702	(1,058)	HCM	VNM	104,000	9.9	01/04/2021
CVNM2014	2,000	860	0 %	-57%	1,610	91	109,800	0	(860)	VCI	VNM	140,000	5.0	07/04/2021
CVNM2015	1,750	1,790	1.7 %	2%	10,930	54	109,800	732	(1,058)	MBS	VNM	103,000	9.9	01/03/2021
CVNM2016	1,000	760	-1.3 %	-24%	15,400	55	109,800	30	(730)	KIS	VNM	113,388	19.8	02/03/2021
CVPB2008	1,800	6,270	1.5 %	248%	3,880	8	34,400	6,206	(64)	HCM	VPB	22,000	2.0	14/01/2021
CVPB2010	4,700	11,250	2.3 %	139%	2,690	83	34,400	10,536	(714)	VND	VPB	24,000	1.0	30/03/2021
CVPB2011	1,900	5,720	1.2 %	201%	40,840	118	34,400	5,297	(423)	HCM	VPB	24,000	2.0	04/05/2021
CVPB2012	2,000	6,080	2.4 %	204%	52,070	85	34,400	5,767	(313)	HCM	VPB	23,000	2.0	01/04/2021
CVPB2013	2,000	8,480	4.8 %	324%	1,240	93	34,400	7,575	(905)	VCI	VPB	27,000	1.0	09/04/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVPB2014	1,700	5,700	-5.0 %	235%	8,340	34	34,400	5,378	(322)	MBS	VPB	23,700	2.0	09/02/2021
CVPB2015	5,600	10,570	2.0 %	89%	3,700	205	34,400	8,975	(1,595)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2016	4,800	10,000	18.2 %	108%	7,080	118	34,400	7,640	(2,360)	SSI	VPB	27,000	1.0	04/05/2021
CVPB2017	1,000	1,530	-0.7 %	53%	18,210	89	34,400	374	(1,156)	VPB	VPB	30,999	10.0	05/04/2021
CVRE2007	1,520	830	0 %	-45%	81,780	89	33,200	231	(599)	KIS	VRE	33,330	5.0	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,860	1.1 %	55%	29,920	8	33,200	1,804	(56)	HCM	VRE	26,000	4.0	14/01/2021
CVRE2009	1,400	1,300	3.2 %	-7%	73,240	141	33,200	648	(652)	KIS	VRE	30,999	5.0	27/05/2021
CVRE2010	1,100	1,200	1.7 %	9%	33,420	43	33,200	823	(377)	KIS	VRE	29,999	4.0	18/02/2021
CVRE2011	1,500	1,550	0 %	3%	84,890	156	33,200	714	(836)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2012	1,300	2,090	5.0 %	61%	29,930	85	33,200	1,714	(376)	HCM	VRE	26,500	4.0	01/04/2021
CVRE2013	5,000	8,270	-0.6 %	65%	9,400	205	33,200	6,541	(1,729)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2014	4,600	7,410	3.9 %	61%	33,750	118	33,200	5,976	(1,434)	SSI	VRE	27,500	1.0	04/05/2021
CVRE2015	2,270	3,850	-1.3 %	70%	58,550	110	33,200	2,972	(878)	MBS	VRE	27,500	2.0	26/04/2021

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
GVR (New)	HOSE	28,750	24,000	18/12/2020	4,386	930	13,374	8%	5.0%	21.9	1.5	6%
PNJ (New)	HOSE	81,200	89,000	17/12/2020	1,011	4,486	21,484	21%	11.8%	19.8	4.1	18%
PVS (New)	HNX	19,100	16,100	10/12/2020	846	1,681	26,712	6%	3.0%	9.6	0.6	10%
ACB (New)	HOSE	29,900	32,300	09/12/2020	6,640	3,072	15,957	21%	20.9%	10.5	2.0	0%
DGW (New)	HOSE	82,500	82,200	02/12/2020	229	5,337	26,036	21%	9.8%	15.4	3.2	20%
CTD	HOSE	76,200	66,000	26/11/2020	552	6,960	110,476	6%	4.0%	9.5	0.6	30%
STK	HOSE	20,950	23,500	26/11/2020	114	1,610	15,424	10%	5.5%	14.6	1.5	15%
MPC	UPCOM	30,600	28,300	20/11/2020	542	2,708	22,363	12%	6.0%	10.6	1.3	50%
POW	HOSE	13,900	12,800	20/11/2020	2,065	719	13,540	7%	4.0%	16.3	0.9	3%
HPG	HOSE	42,800	33,600	18/11/2020	11,154	3,344	17,058	20%	10.0%	10.1	2.0	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

IDI	HOSE	7,360	5,600	13/11/2020	323	1,420	14,121	10%	4.1%	4.0	0.5	5-10%
LHG	HOSE	37,150	29,900	06/11/2020	162	3,241	25,134	12%	7.2%	8.0	1.0	13%
DHG	HOSE	106,300	92,000	04/11/2020	638	5,122	27,667	18%	13.9%	18.9	3.3	25%
FMC	HOSE	37,400	35,400	29/10/2020	196	3,997	19,396	21%	11.9%	8.9	1.8	25%
TNG	HNX	16,600	15,000	21/10/2020	236	2,902	16,623	18%	5.3%	5.2	0.9	16%
TCM	HOSE	54,500	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
HBC	HOSE	16,750	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
KBC	HOSE	26,200	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
ANV	HOSE	24,600	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
DXG	HOSE	17,050	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.